**BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**VĂN BẢN 1: CHIỀU SƯƠNG**

**Bùi Hiển**

**(2.5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

Một số yếu tố trong văn bản truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm

**b. Năng lực đặc thù**

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật.

Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống; so sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được học

**3. Về phẩm chất**:

Yêu thương, trân trọng, có trách nhiệm với môi trường xung quanh, đặc biệt là môi trường tự nhiên như núi rừng, sông biển, đồng ruộng,…

Có ý thức chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ thiên nhiên và lan tỏa ý thức, hành vi tích cực này đến những người xung quanh

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV; Phiếu học tập, tranh ảnh về vùng biển, ảnh tác giả

˗ Giấy A4, bút lông phục vụ cho hoạt động thảo luận nhóm.

˗ Bài trình chiếu Power Point.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và hứng thú cho HS, gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video, đặt câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận, suy nghĩ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên cho học sinh xem một video. Sau đó yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:  1/ Em nhìn thấy gì ở video?  2/ Em nghĩ gì về cuộc sống của những người dân chài?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS xem video và trả lời câu hỏi. HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận với bạn cùng bàn  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý và dẫn dắt vào bài mới | 1/ Hình ảnh những con thuyền ra khơi đánh cá  2/ Cuộc sống của người dân chài: khó khăn, vất vả. Việc mưu sinh trên biển không hề dễ dàng, bởi có thể sẽ gặp nhiều bất trắc, nhiều hiểm nguy  *🠖 Biển, vốn dĩ rất đẹp, rất nên thơ; biển cũng chứa đựng nguồn tài nguyên phong phú. Thế nhưng cuộc sống mưu sinh trên biển, có lẽ là không hề dễ dàng. Và trong tiết học ngày hôm nay, chúng ta hãy cùng hòa vào không khí của một buổi chiều sương, cùng nghe một người dân chày kể lại một chuyến ra khơi đầy nguy hiểm, hồi hộp và thú vị bằng cách khám phá văn bản “Chiều sương” của nhà văn Bùi Hiển.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Bùi Hiển và văn bản “Chiều sương”

**b. Nội dung:** Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và văn bản qua SGK và các kênh thông tin khác (Có thể chuẩn bị ở nhà)

**c. Sản phẩm:** HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả Bùi Hiển và văn bản “Chiều sương” (Chuẩn bị ở nhà) và hoàn thành phiếu học tập số 1    **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên: Đọc SGK trang 16 và có thể tìm hiểu thông tin trên các phương tiện khác: Sách, báo, internet…  - Hoàn thành phiếu học tập số 1  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày, các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung** |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng tri thức Ngữ văn để:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại được thể hiện trong văn bản *Chiều sương*;

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống; so sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để hoàn thành các phiếu học tập, trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu học tập và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị tâm thế đọc văn bản**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trước khi đọc: Nhan đề của truyện ngắn gợi cho anh chị những liên tưởng gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên, nêu suy nghĩ của mình về nhan đề văn bản  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày, các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **II. Khám phá văn bản**  Nhan đề "Chiều sương", gợi cho người đọc về liên tưởng về thời gian - thời điểm tác giả chọn để khai thác, làm chủ đề chính cho toàn đoạn trích. Nội dung văn bản có thể sẽ nói về cảm nhận, miêu tả về khung cảnh, không khí mát mẻ, se lạnh vào buổi chiều khi có sương phủ phía trên đất hoặc về một cảnh tượng, một ký ức hoặc cảm xúc của tác giả về chiều sương. |
| **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên gọi học sinh đọc văn bản. Lưu ý những điểm ngừng để thực hiện yêu cầu rèn kĩ năng đọc  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh đọc văn bản, dừng lại trả lời những câu hỏi trong ô và những chỗ đánh dấu  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Giáo viên yêu cầu một vài học sinh trả lời câu hỏi trong khi đọc. Các học sinh còn lại có thể bổ sung, nhận xét (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI  TRONG KHI ĐỌC VĂN BẢN**  **Câu 1/Cảnh vật ở làng chài vào chiều xuân hiện lên qua cái nhìn và cảm nhận của ai?**  Thông qua chi tiết: “Vào một chiều trung tuần tháng Giêng, chàng trai ấy lang thang...chàng đi không mục đích...chàng đi và nghĩ..."→ Cảnh vật ở làng chài vào chiều xuân hiện lên qua cái nhìn và cảm nhận của nhân vật “chàng trai”.  **Câu 2/ Từ đây trở đi, người kể chuyện là ai? Người nghe chuyện là ai?**  Từ đây trở đi, người kể chuyện là lão Nhiệm Bình, người nghe chuyện là chàng trai.  **Câu 3/ Các chi tiết ở đoạn này cho thấy điều gì trong cuộc sống lao động của ngư dân?**  Những chi tiết ở đoạn văn trên miêu tả cuộc sống lao động vất vả, lam lũ, gian truân, chứa đầy thử thách và hiểm nguy. Đằng sau những giây phút nghỉ ngơi yên bình, thong thả là những giờ làm việc với đầy những nguy hiểm đang chờ đợi họ. Đó là mưa dội, sống nhồi, gió táp. Những ngư dân lam lũ, làm lụng vào buổi đêm - thời gian mà chúng ta được nghỉ ngơi, được tận hưởng những giấc ngủ yên lành.  Tuy vậy, những người dân chài vẫn miệt mài đêm ngày bám biển, kiên cường, dũng cảm, gan dạ vượt qua mọi thử thách, hiên ngang đạp đổ sóng gió, mưa giông. Ở họ ánh lên tinh thần thép, sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách của tạo hóa.  **Câu 4/ Các ngư dân sắp được chứng kiến điều gì?**  Qua chi tiết "Chợt chú trai kêu: Có ai như người trôi kia? - Một bác dùng sào khêu cái vật trôi lênh đênh đen thui" có thể thấy các ngư dân sắp chứng kiến cảnh có người đuối nước sau trận gió bão vừa qua.  **Câu 5/ Sự xuất hiện chiếc thuyền của ông Xin Kính có ý nghĩa gì trong câu chuyện?**  Sự xuất hiện chiếc thuyền của ông Xin Kính trong câu chuyện tạo sự kết nối phần trước với phần sau của nội dung câu chuyện. Nhờ sự xuất hiện ấy, nhà văn đã khéo léo đưa tình huống các ngư dân gặp cảnh người bị đuối nước, từ đó tạo sự gợi mở cho người đọc những tình huống, những sự việc xảy ra sau đó.  Sự xuất hiện chiếc thuyền của ông Xin Kính là cầu nối, là căn nguyên tạo nên tình huống truyện trở nên hấp dẫn, li kì hơn. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu những đặc điểm của truyện ngắn hiện đại được thể hiện trong văn bản**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào tri thức ngữ văn và văn bản, thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 2,3    **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh làm việc nhóm, hoàn thành phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Giáo viên yêu cầu 2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại có thể bổ sung, nhận xét (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **1/ Những đặc điểm của truyện ngắn hiện đại được thể hiện trong văn bản**  **a. Câu chuyện**  - Vào một buổi chiều sương lãng đãng, chàng trai đã được nghe lão Nhiệm Bình thuật lại câu chuyện đi biển của một nhóm bạn chài (trong đó có ông). Chuyến đi biển đã gặp một trận bão tố lớn, nhóm bạn chài đã suýt mất mạng. Trên đường về, trong không gian mù mịt mờ sương họ đã gặp một chiếc “thuyền ma” mà sau này họ mới biết người trên thuyền đã bỏ mạng sau một trận bão tố.  🠖 Câu chuyện cho chúng ta thấy được những gian truân mà người đi biển gặp phải và thái độ của họ đối với những người thuộc thế giới âm dương khác nhau  - Câu chuyện có một số chi tiết, hình ảnh nói lên quan niệm về cõi âm và mối liên hệ giữa cõi dương và cõi âm của chàng trai và của những người dân làng chài. Họ đều không xa lánh, không ghê sợ cõi âm và người đã khuất  + Chàng trai: không tin vào ma quỷ  + Những người dân làng chài: cho rằng âm dương không phân ranh giới, những người đã khuất là người quen nên không có cảm giác xa lại; họ có một số kiêng kị khi đi biển  - Câu chuyện có nhiều yếu tố thực và ảo đan xen 🠖 Tác dụng:  + Tạo tính hấp dẫn cho văn bản  + Cho thấy được sự vất vả của những ngư dân  + Thể hiện rõ tư tưởng của tác giả: âm dương đan xen, xem người đã khuất vẫn tồn tại trong đời sống dương gian, tham gia vào đời sống như một cách luyến tiếc trần gian, cũng là cách người còn sống tưởng nhớ người đã khuất  **b. Sự kiện và nhân vật**  **- Phần 1: Chuyện chàng trai đến thăm nhà lạo Nhiệm Bình**   |  |  | | --- | --- | | **Sự kiện** | **Cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật** | | - Chiều sương, chàng trai đến thăm lão Nhiệm Bình  - Chàng nài nỉ lão Nhiệm Bình kể những câu chuyện đi biển kì ảo của lão, đặc biệt là chuyện đi biển gặp ma  - Lão Nhiệm Bình đã thuật lại câu chuyện đi biển của một nhóm bạn chài (trong đó có ông). | - Chàng trai rất thích các câu chuyện kì ảo nhưng không tin ma quỷ  - Lão Nhiệm Bình kể chuyện ma với một thái độ bình thản, âm-dương không phân biệt, vì nói cho cùng đó đều là dân làng họ, chẳng may qua đời nên muốn tìm chút hơi ấm dương gian |   **- Phần 2: Chuyện chiếc thuyền trong ngày giông bão**   |  |  | | --- | --- | | **Sự kiện** | **Cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật** | | - Chiếc thuyền lão Phó Nhụy mà lão Nhiệm Bình đi trai ra khơi đánh cá  - Đến chiều bão tố bắt đầu nổi lên và kéo dài đến quá nửa đêm  - Một chiếc thuyền xuất hiện trong một không khí rất kì dị, đó là thuyền của ông Xin Kính  - Thuyền Phó Nhụy vướt được anh Hoe Chước của bên thuyền Xin Kính, lúc đó chiếc thuyền Xin Kính biến mất. Chiếc thuyền đó đã bị sóng đánh vào núi tan tành, không một ai sống sót | - Những người đi chài đã quen với những bất trắc, gian truân của việc đi biển. Việc đối phó với giông bão đã trở thành quán tính  - Dù thường xuyên đối mặt với mất mát, hiểm nguy họ vẫn bàng hoàng, lo âu, thương xót trước những biến cố, bất ngờ, những cảnh đau lòng |   **c. Người kể chuyện, điểm nhìn và sự thay đổi điểm nhìn**  **- Người kể chuyện**  + Phần 1: chàng trai  + Phần 2: lão Nhiệm Bình  - **Điểm nhìn và sự thay đổi điểm nhìn**  **+** Phần 1: điểm nhìn của chàng trai, lão Nhiệm Bình  + Phần 2: điểm nhìn của lão Nhiệm Bình, đôi khi điểm nhìn có dịch chuyển sang một số người dân chài khác như chú trai, các bác chài…  🠖 Câu chuyện có nhiều người kể chuyện và nhiều điểm nhìn. (Điểm nhìn của chàng trai, lão Nhiệm Bình hay người kể chuyện là chính yếu). Đồng thời có sự dịch chuyển điểm nhìn  🠖 Tác giả chọn điểm nhìn của hai nhân vật trẻ, già để mang tính nối kết trong việc thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm. Điều này giúp cho việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của văn bản được khách quan, mở rộng và đa diện hơn.  **d. Không gian, thời gian**  **- Không gian:**  làng chài, biển cả  - **Thời gian:** chiều xuân  **e. Sự kết nối giữa lời người kể chuyện lời và nhân vật**  Văn bản có sự kết hợp, đan xen giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật  🠖Sự linh hoạt của tác giả, tạo nên một không khí gần gũi, nhưng cũng có chút ghê sợ; cảm xúc của người đọc thay đổi theo từng phần của câu chuyện  **2/ Ý nghĩa, tác động của văn bản**  Câu chuyện đã đem lại cho người đọc nhiều suy nghĩ về thái độ và tình cảm của con người đối với biển cả. Biển cả mang lại cho con người những tài nguyên vô giá, đóng vai trò quan trọng đối với cuộc sống của con người. Con người luôn có sự yêu mến và biết ơn đối với biển cả, đặc biệt là đối với những người dân chài biển là một điều thiêng liêng. Tuy nhiên, biển cả cũng có thể giống như một người bạn tinh nghịch, đôi khi có chút giận hờn. Biển là người bạn gần gũi, gắn bó với con người, mãi không thể tách rời |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

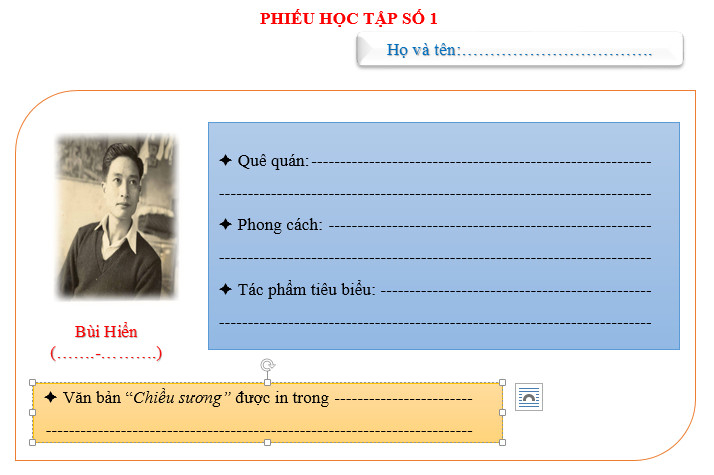
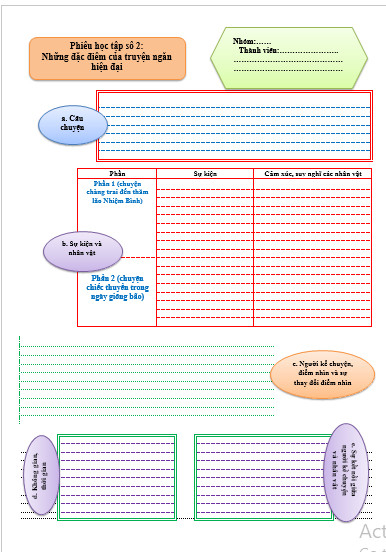
**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

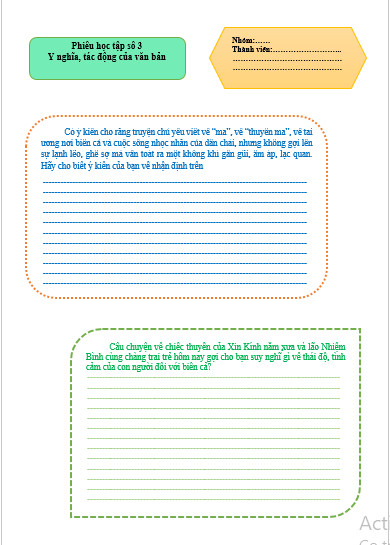
**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên yêu cầu học sinh dựa trên việc khám phá văn bản hãy khái quát lại nội dung và nghệ thuật của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Giáo viên gọi HS trình bày. Các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Tác phẩm không chỉ miêu tả cảnh vật thiên nhiên mà còn tập trung vào những đức tính tốt đẹp của con người trong cuộc sống lao động. Qua câu chuyện, người đọc cảm nhận được sự vất vả, khó khăn, và sự gan dạ, kiên trì của người chài trong việc đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt  **2. Nghệ thuật**  - Cốt truyện đơn giản  - Xây dựng tâm lí nhân vật tinh tế  - Có sự kết hợp giữa thực và ảo tạo ra một không khí gần gũi và ấm áp mà không gây cảm giác lạnh lẽo hay sợ hãi. |

**PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)**



**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Tổ chức cho học sinh chơi 1 trò chơi: Ai nhanh hơn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chia lớp thành 4 đội. trình chiếu câu hỏi lên màn chiếu. Các đội sẽ ghi câu trả lời vào giấy A0. Đội nào trả lời đúng nhiều câu hỏi và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh chia đội và tham gia hoạt động  **B3. Báo cáo thảo luận**  Các đội trình bày sản phẩm nhóm lên bảng  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Giáo viên nhận xét, đánh giá | **Câu 1**. Thể loại của văn bản “*Chiều sương*”? (Truyện ngắn)  **Câu 2.** Xác định không gian và thời gian được miêu tả trong văn bản? (Thời gian: chiều; không gian: làng chài, biển cả)  **Câu 3**. Nhân vật chính được nhắc đến trong văn bản (Chàng trai, cụ Nhiệm Bình)  **Câu 4**. Một chi tiết hư ảo được nhắc đến trong văn bản (thuyền ma)  **Câu 5**. “*Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp”.* Đây là lời nhân vật hay lời người kể chuyện? (Lời nhân vật)  **Câu 6**. Văn bản cho thấy cuộc sống của người dân chài như thế nào? (Vất vả, khó khăn)  **Câu 7**. Em cảm nhận được phẩm chất tốt đẹp nào của những người dân chài? (Kiên trì/gan dạ/…)  **Câu 8**. Một thông điệp mà em nhận được từ văn bản? |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học, mở rộng vốn hiểu biết và có cách ứng xử phù hợp

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn 150 chữ bàn về cách ứng xử cần có đối với biển/ THực hiện bài tập sáng tạo SGK trang 16

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh/ sản phẩm sáng tạo của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu học sinh:

- Từ vấn đề được gợi ra từ văn bản đã học, hãy viết đoạn văn 150 chữ nên suy nghĩ của anh/chị về cách ứng xử cần có của con người đối với biển cả

- Thực hiện bài tập sáng tạo, SGK trang 16 (Làm ở nhà)

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên

**B3. Báo cáo thảo luận**

Học sinh trình bày đoạn văn. Các học sinh khác nhận xét, góp ý

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

- Xem lại tri thức Ngữ văn, phân tích đặc điểm truyện ngắn hiện đại được thể hiện trong văn bản *“Chiều sương”*

- Đọc trước văn bản 2 “*Muối của rừng” –* Nguyễn Huy Thiệp và trả lời các câu hỏi ở SGK

Ngày soạn:

**BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA (Truyện ngắn)**

**Tiết ........- VĂN BẢN 2: MUỐI CỦA RỪNG – Nguyễn Huy Thiệp**

**(2,5tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được đặc trưng của thể loại truyện ngắn như : nhân vật, điểm nhìn, người kể chuyện, ngôi kể, thông điệp của văn bản…..

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học; so sánh được hai văn bản, liên tưởng mở rộng vấn đề để hiểu hơn về văn bản .

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng thể loại.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng, yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Giáo án;

- Phiếu học tập

- Máy tính

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Học liệu**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem đoạn phim, đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên cho học sinh xem một đoạn phim ngắn **Rừng và biển** và yêu cầu học sinh nêu cảm nhận về những hành động của con người trong đoạn phim  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe yêu cầu từ GV, suy nghĩ để chia sẻ trước lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.  - GV dẫn vào bài học mới:  *Môi trường thiên nhiên có vai trò quan trọng đối với cs con người. Vì vậy việc bảo vệ thiên nhiên là điều cần thiết để duy trì sự sống loài người. Đây là điều mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp muốn thức tỉnh người đọc qua truyện ngắn "Muối của rừng"* | Con người trong đoạn phim đã có những hành động xấu xa : Giết các loài sinh vật, chặt cây rừng, hủy hoại môi trường biển |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, VB *Muối của rừng*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, VB

**c. Sản phẩm:** HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm thông tin về tác giả, văn bản trong phần chuẩn bị bài trước khi đến lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS đọc sgk tìm thông tin trước khi đến lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021) Sinh tại Thái Nguyên, quê gốc ở H.Thanh Trì, Hà Nội.  - Nổi tiếng với các thể loại truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phê bình văn học.  - TP nổi bật như: Tướng về hưu, Không có vua, Những ngọn gió Hua Tát, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần...  - Truyện ngắn của ông đề cập đến nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống đương đại và khá đa dạng trong cách viết  -> nhà văn có đóng góp trong việc đổi mới nội dung và hình thức nghệ thuật của văn xuôi việt nam đương đại  **2. Văn bản**  - Truyện ngắn muối của rừng sáng tác lúc đất nước đã hòa bình 1986 khi mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên cần được nhìn nhận lại |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của truyện ngắn được thể hiện trong văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Các sự kiện chính, ngôi kể, điểm nhìn**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc trước văn bản ở nhà và liệt kê các sự kiện chính, xác định ngôi kể, điểm nhìn trong VB  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc trước và liệt kê các sự kiện chính  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:** *Nhân vật ông Diểu*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn PHT 01  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo bàn hoàn thành PHT 01  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 4 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:** *Sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm hoàn thành PHT 02  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hai bàn tạo thành 1 nhóm hoàn thành PHT 02  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS đại diện các nhóm phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:** *Ý nghĩa hình tượng “Muối của rừng” và thông điệp của truyện ngắn*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đặt câu hỏi: ý nghĩa của hình tượng “Muối của rừng” và thông điệp của truyện ngắn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1.Các sự kiện chính, ngôi kể, điểm nhìn**  **a.Các sự kiện chính**  - Mùa xuân, ông Diểu đi săn ,ông bắn hạ khỉ bố  - Khỉ bố bị thương nặng khỉ mẹ cứu khỉ bố  - Khỉ con xuất hiện cướp súng của ông Diểu và rơi xuống vực với khẩu súng  - Ông Diểu vác khỉ bố về trong tình trạng khỉ mẹ lẽo đẽo theo sau  - Ông Diểu động lòng trước tình trạng và tình cảm hai vợ chồng nhà khỉ, ông băng bó vết thương cho khỉ bố và tha cho nó  - Ông Diểu trở về nhà trong làn mưa xuân dịu dàng và những đóa hoa tử huyền nở rộ mà 30 năm mới nở một lần.  **b. Ngôi kể, điểm nhìn**  - Ngôi kể thứ ba hạn tri  - Điểm nhìn : nhân vật ông Diểu  **2. Nhân vật ông Diểu**  - *Ngoại hình*: Tuổi trung niên, thấp khớp đôi lúc cũng nhanh nhẹn dẻo dai  - *Hành động*:  Bắn hạ khỉ bố, đuổi theo khỉ con, tha chết cho khỉ bố và băng bó cho nó, trở về nhà  - *Nội tâm*:   |  |  | | --- | --- | | **Bắn khỉ bố** | sợ hãi run lên | | **Khỉ mẹ liều mình cứu khỉ bố** | tức giận căm ghét | | **Khỉ con rơi xuống vực** | kinh hoàng | | **Khỉ đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn** | Thương Hại | | **Khỉ cái cứ đuổi theo ông và con khỉ đực** | buồn bã |   ->Nhân vật ông Diểu được xây dựng từ ngoại hình , hành động, nội tâm nhưng chủ yếu tính cách được thể hiện chủ yếu qua hành động, nội tâm. Nhân vật đã có sự chuyển biến suy nghĩ và tính cách: từ cách nhìn nhận và hành xử đối với gia đình khỉ mang tính áp đặt chủ quan, có phần vô cảm, ông động lòng trắc ẩn tha cho gia đình khỉ.  **3. Sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lời người kể chuyện** | | “Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến ông hiểu sợ hãi run lên... làm xong việc nặng”  “Ông Diểu rên lên khe khẽ” | | **Lời nhân vật** | **Đối thoại** | * Chạy đi | | **Độc Thoại** | “Hành động hi sinh thân mình của con khỉ cái làm ông căm ghét . Đồ gian dối mày chứng minh tấm lòng cao thượng hợp như một bà trưởng giả!... lừa ông sao được” |   -> Lời người kể chuyện giúp dẫn dắt tiến trình phát triển của câu chuyện một cách khách quan, lời nhân vật thể hiện đặc điểm con người của nhân vật.  **4. Ý nghĩa hình tượng “Muối của rừng” và thông điệp của truyện ngắn**  - Muối của rừng chính là kết tinh của quá trình cái thiện chiến thắng cái ác trong mỗi con người  - Thông điệp của tác giả: mối quan hệ gắn bó giữa con người và thiên nhiên. Chỉ khi nào con người nhận thức được ý nghĩa thực sự của cuộc sống chọn đứng về cái thiện thì lúc đó thiên nhiên mới ban phát quà tặng cho con người . |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT số 3, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT số 3 (Hs làm việc cá nhân)   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hoàn thành PHT 03  - Gv quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Truyện ngắn đã gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về nạn săn bắt động vật trái phép. Con người cần ý thức bảo vệ các loài động vật nói riêng và bảo vệ thiên nhiên nói chung để góp phần làm cuộc sống tốt đẹp hơn. | - Cốt truyện đơn giản, ngắn gọn  - Tình tiết hấp dẫn, xung đột, kịch tính  - Nhân vật chân thực, sinh động  - Ngôn ngữ giản dị, gần gũi | |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **(Tìm hiểu về nhân vật ông Diểu)**  ..................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................  ....................................................................  Bắn khỉ bố  ....................................................................  Khỉ mẹ liều mình cứu khỉ bố  ..................................  Khỉ con rơi xuống vực  ....................................................................  Khỉ đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn  ....................................................................  Khỉ cái cứ đuổi theo ông và con khỉ đực  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................  Nhận xét |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **(Tìm hiểu về** **Sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lời người kể chuyện** | | ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ............................................................................................................... | | **Lời nhân vật** | **Đối thoại** | ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ............................................................................................................... | | **Độc Thoại** | ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ...............................................................................................................  ............................................................................................................... |   **Nhận xét:** .......................................................................................  ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **(Tổng kết)**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Nghệ thuật** | | ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  .....................................................................  ....................................................................  .................................................................... .....................................................................  ....................................................................  ....................................................................  .....................................................................  ....................................................................  .................................................................... | ....................................................................  .................................................................... ....................................................................  .................................................................... ....................................................................  .................................................................... ....................................................................  .................................................................... ....................................................................  .................................................................... ....................................................................  .................................................................... | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản đã học.

**b. Nội dung:** Lập bảng so sánh văn bản **Muối của rừng** và **Chiều sương**

**c. Sản phẩm:** HS lập bảng so sánh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS lập bảng so sánh văn bản **Muối của rừng** và **Chiều sương**

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv gọi 3 Hs lên bảng điền vào bảng so sánh

- Hs hoàn thành bảng so sánh

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Chiều sương** | **Muối của rừng** |
| **Đối tượng tự nhiên** | biển cả | rừng núi |
| **Tác động với tự nhiên** | thụ động | Chủ động |
| **Thái độ của con người** | Xem tự nhiên là nguồn sống từ sợ sệt đến chai lì quen thuộc trước những bất trắc của tự nhiên | Xem tự nhiên là thú vui ban đầu áp đặt những suy nghĩ của mình lên tự nhiên về sau được cảm hóa và trở về với bản chất thiện lương hòa hợp và yêu mến tự nhiên |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng, yêu cầu tạo lập văn bản.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn (từ 7 – 10 dòng) nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời đại diện 2 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | Đời sống của mọi sinh vật nói chung và của con người nói riêng luôn gắn liền với thiên nhiên. Mối liên hệ giữa con người và thiên nhiên là một điều hiển hiện có thể thấy được ngay trong đời sống thường ngày. Con người được sinh ra từ thiên nhiên, thiên nhiên quyết định cuộc sống của con người và con người quyết định số phận của thiên nhiên. Con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của tài nguyên và môi trường. Vì con người tồn tại được là cần có các tài nguyên của môi trường cung cấp; bên cạnh đó con người trong hoạt động của mình có tác động mạnh mẽ trở lại và làm thay đổi môi trường. |
|  |  |

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

- Ôn tập văn bản: Muối của rừng

- Soạn văn bản : Tảo phát bạch đế thành (Lý Bạch), Kiến và người (Trần Duy Phiên)

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH**

**(Lý Bạch)**

**(0.5 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

* **Học sinh liệt kê** được các hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh phong cảnh.
* **Học sinh phân tích tác dụng** của nhịp điệu bài thơ trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ.
* **Học sinh xác định** được chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ
* **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu văn bản

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, sự giao hòa giữa con người và sự thay đổi của tự nhiên, sự ngợi ca, yêu thương cảnh vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV đặt câu hỏi: Hãy kể tên và nêu cảm nghĩ về một địa danh, phong cảnh mà em yêu mến nhất? * HS suy nghĩ và trả lời ra giấy | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên gợi dẫn vào bài học | **Gợi ý câu trả lời:** Tùy thuộc câu trả lời của HS |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động:**   * **Học sinh liệt kê** được các hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh phong cảnh. * **Học sinh phân tích tác dụng** của nhịp điệu bài thơ trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh phong cảnh. * **Học sinh xác định** được chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ   **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học về chủ điểm, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu bài tập tìm hiểu về tác phẩm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên hướng dẫn HS đọc VB để nhận xét sau đó liệt kê một số hình ảnh về thiên nhiên trong bài thơ.  **Câu hỏi 1.** Bức tranh phong cảnh qua ngòi bút của thi sĩ Lý Bạch hiện lên có gì đặc biệt? Hãy chỉ ra một số hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên vẻ đẹp của thiên nhiên trong bài thơ.  **Câu hỏi 2.** Phân tích một số hình ảnh , từ ngữ có tác dụng thể hiện vẻ đẹp riêng của phong cảnh.  **Thời gian thảo luận**: 10 phút  **Chia sẻ và trao đổi:** 5 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên hướng dẫn HS xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB, liên hệ với nhan đề bài thơ.  **Thời gian thảo luận**: 10 phút  **Chia sẻ và trao đổi:** 5 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | **1. Bức tranh thiên nhiên.**  - Hình ảnh: "sắc mây rực rỡ, tiếng vượn kêu đôi bờ không dứt,núi non muôn trùng…"  🡺 Những hình ảnh thiên nhiên thể hiện qua con mắt của chủ thể trữ tình.  🡺 Cảnh đẹp, êm ả, yên bình nhưng gợn buồn.  - Từ ngữ:  + "Sắc mây rực rỡ ": gợi tảkhung cảnh không gian tươi sáng, nên thơ.  + "Núi non muôn trùng"… : gợi tả vẻ đẹp của núi sông hùng vĩ.  + “Tiếng vượn kêu không dứt: gợi tả âm thanh bi ai, hoang vu.  🡺 Tâm trạng của chủ thể trữ tình hào hứng, vui tươi, hòa nhập vào cảnh tượng hung vĩ -> Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người.  **2.Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.**  **a. Chủ đề:** Lòng yêu mến thiên nhiên, cảnh vật, sự giao hòa giữa con người và sự thay đổi của tự nhiên.  b**. Cảm hứng chủ đạo:** tinh thần lạc quan, sự ca ngợi và yêu thương phong cảnh, nhất là phong cảnh núi non hùng vĩ. Vì lẽ đó mà Lí Bạch được tôn vinh là nhà thơ sơn thủy đại tài của Trung Quốc. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **. Mục tiêu hoạt động:** Giúp HS hiểu sâu sắc thêm về mối liên hệ giữa con người với thiên nhiên.  **b. Nội dung thực hiện:**  HS trả lời câu hỏi | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Bài thơ TPBĐT giúp em hiểu được điều gì về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong cuộc sống thường ngày  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ | * *Thiên nhiên mang lại cho con người nhiều cảm xúc đẹp đẽ* * *Thiên nhiên là nguồn cảm hứng cho các tác giả sáng tác văn thơ.* * *Mỗi chúng ta cần có ý thức giữ gìn bảo vệ thiên nhiên, đối đãi với thiên nhiên thật văn minh và hiền hòa,…* |

***Phụ lục . Rubric thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn:

**BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết: MỘT SÔ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS củng cố được hiểu biết về tính đặc thù của ngôn ngữ văn học và ý nghĩa của sự sáng tạo trong tác phẩm văn học ở phương tiện ngôn ngữ

- HS phân tích được đặc điểm của một số hình thức phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học và hiệu quả thẩm mỹ mà các hình thức đó đưa lại.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực tự quản bản thân,

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..

**b. Năng lực riêng biệt**

**-** Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**:

Thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

**2. Học liệu:**

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11…** |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Không

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS.

**c. Sản phẩm:** Trả lời một số câu hỏi mà GV đưa ra để dẫn vào bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Em hãy lấy 1 ví dụ phá vỡ quy tắc ngôn ngữ viết trong văn học?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 2 – 3 HS trả lời  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.  **-**Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong nhiều trường hợp để tăng thêm hiệu quả diễn đạt mà người viết hoặc người nói có thể sử dụng các hiện tượng phá vỡ nhũng quy tắc ngôn ngữ thông thường. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các hiện tượng đó.* | *Lom khom dưới núi tiều vài chú*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*  ( *Qua Đèo Ngang* – Bà Huyện Thanh Quan) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT: kiến thức đã học (Kiến thức Tiếng Việt được học)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời các kiến thức về một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT: kiến thức đã học** | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, nhớ lại và trả lời:  *-Yêu cầu nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.*  *- Tác dụng của nó.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe câu hỏi, trả lời  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường**  - phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt.  - biết thực hiện việc đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.  **2. Tác dụng**  - Hình thức đảo trật tự từ: tăng sức biểu cảm.  - Mở rộng khả năng kết hợp của từ: tăng hiệu quả diễn đạt.  - Hiện tượng tách biệt: bộc lộ cảm xúc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **1.Bài tập 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt đặt yêu cầu cho HS: Tìm hiện tượng đảo trật tự từ trong câu a,b và phân tích tác dụng của các hiện tượng trên.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc và hoàn thành bài tập  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.  **2.Bài tập 2**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt đặt yêu cầu cho HS: Chỉ ra hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ trong câu a,b và phân tích tác dụng biểu đạt của các hiện tượng trên.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc và hoàn thành bài tập  **B3. Báo cáo thảo luận:**  GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **3.Bài tập 3**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt đặt yêu cầu cho HS: Phân tích hiệu quả của hiện tượng tách biệt trong câu a,b.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:**  GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **4.Bài tập 4**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt đặt yêu cầu cho HS: Nhận xét về sự độc đáo của những kết hợp từ được **in đậm** trong đoạn thơ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3. Báo cáo thảo luận**  -GV mời 1-2 học sinh trả lời câu hỏi. -Cả lớp lắng nghe, nhận xét đánh giá  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án: | **1.Bài tập 1**  a. Hiện tượng đảo trật từ trong câu: từ "mùa hoa" đảo với "năm ngoái".  - Điều này giúp nhấn mạnh thời gian mà cây bưởi quên nở hoa - năm ngoái.  - Qua đó cũng giúp câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn và lôi cuốn hơn.  b. Hiện tượng đảo trật tự từ trong câu:  "ùn ùn từ đâu đến - dân chài bảo từ Thủy phủ đùn lên - một đám sương mù dày đặc" có câu gốc là "một đám sương mù dày đặc ùn ùn từ đâu đến, dân chài bào từ Thủy phủ đùn lên".  - Sự đảo trật tự từ này giúp câu trở nên hấp dẫn hơn, làm tăng tính nghệ thuật của văn bản.  - Nó cũng có thể giúp tạo ra hiệu ứng nổi bật và độc đáo, thu hút sự chú ý của độc giả.  **2.Bài tập 2**  a. Trong đoạn trích này, ta có thể thấy sự mở rộng khả năng kết hợp của từ để biểu thị ý nghĩa chi tiết.  - Cụ thể, từ "vàng" và "hanh" được kết hợp để hình thành thành ngữ "vàng hanh" để mô tả màu sắc của ánh nắng.  - Từ "vọng" và "gày" được kết hợp để hình thành thành ngữ "vọng sông gày" để mô tả một cảnh vật thiên nhiên.  - Đây là những cách diễn đạt hình ảnh sống động giúp tác giả tạo ra hình ảnh sắc nét trong trí tưởng tượng của người đọc, tăng tính thẩm mỹ và sinh động cho đoạn thơ.  b. Trong đoạn trích này, có hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ thông qua việc sử dụng những từ ngữ mô tả hình ảnh cụ thể, ví dụ như “ngõ hẻm”, “hồn lặng thấm”, “êm ái”, “vòm trời trắng hơi biêng biếc như dát bạc”.  - Những cách diễn đạt này giúp cho độc giả có thể hình dung được cảnh vật và cảm nhận tình trạng tâm trạng của nhân vật chính.  - Từ đó tạo ra một sự chân thực và sâu sắc cho tác phẩm.  **3.Bài tập 3**  a. Trong đoạn văn trên trên, hiện tượng tách biệt được áp dụng để tạo ra sự căng thẳng và hồi hộp cho người đọc.  - Bằng cách miêu tả âm thanh và cảm giác của con vật khổng lồ, tác giả đã tạo ra một cảnh tượng đáng sợ và bí ẩn. Sau đó, khi tác giả giới thiệu con khỉ và mô tả sự tự tin của nó, hiện tượng tách biệt lại được áp dụng để tạo ra sự tương phản giữa hai nhân vật, tạo ra một căn bản của câu chuyện.  - Việc sử dụng hiện tượng tách biệt trong trường hợp này giúp cho câu chuyện trở nên sinh động và gay cấn hơn, đồng thời giúp người đọc tập trung hơn vào sự kiện quan trọng của câu chuyện.  b. Trong đoạn văn trên, hiện tượng tách biệt giữa các vế trong một câu. Câu sau như bổ trợ, làm rõ thêm nội dung cho câu trước.  - Hiện tượng tách biệt sẽ giúp ông diểu có thể giữ được tính bình tĩnh và tránh được những hành động phản ứng quá mức.  - Tách biệt sẽ giúp ông diểu tách ra khỏi cảm xúc của mình và nghĩ suy về cách giải quyết vấn đề một cách chủ động hơn.  **4.Bài tập 4**  - Những kết hợp từ được in đậm trong đoạn thơ mang đến sự tươi mới và độc đáo cho đoạn thơ, tạo nên một bức tranh về không gian và thời gian đầy màu sắc và cảm xúc.  -Từ "nhánh duyên" thể hiện tình cảm ngọt ngào, lãng mạn.  - Từ "đổ trời xanh ngọc qua muôn lá" mô tả một khung cảnh đẹp, thanh bình, khi mà lá cây mọc um tùm tạo nên một khung cảnh rực rỡ và sống động.  - Những từ được in đậm diễn tả rất chân thật về sự dịu dàng, thanh tịnh của mùa thu, và cho ta thấy tình cảm sâu sắc của tác giả đối với cảnh thiên nhiên, đó là tình yêu thiên nhiên sâu sắc, tâm hồn tinh tế, lãng mạn với thiên nhiên. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn. (Vận dụng kiến thức đã học về sự phá vỡ các quy tắc sử dụng ngôn ngữ thông thường trong phần tiếng Việt).

**b. Nội dung:** GV nêu vấn đề, HS suy nghĩ, phản hồi.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS viết một đoạn văn nêu cảm nhận về 4 câu thơ trong bài tập 4. (Vận dụng kiến thức đã học về sự phá vỡ các quy tắc sử dụng ngôn ngữ thông thường trong phần tiếng Việt).

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết đoạn văn.

**Bước 3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS đọc đoạn văn trước lớp (qua phiếu học tập), GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, chú ý lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.

**Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. Củng cố:** Nhận diện: Hình thức đảo trật tự từ; Mở rộng khả năng kết hợp của từ; Hiện tượng tách biệt: bộc lộ cảm xúc.

**5. HDVN:** Chuẩn bị tiết sau “ **PHẦN 3. VIẾT”**

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

**TIẾT…: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI *: KIẾN VÀ NGƯỜI***

( 0,5 tiết) (Trần Duy Phiên)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Biết nhận biết được đặc trưng của thể loại truyện ngắn như : nhân vật, điểm nhìn, người kể chuyện, ngôi kể, thông điệp của văn bản…..

- Nhận biết được nội dung và thông điệp của văn bản Kiến và người gởi đến độc giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Kiến và người.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Kiến và người.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng thể loại.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Kiến và người.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ về truyện ngắn, mối quan hệ với thiên nhiên.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về đặc trưng thể loại truyện ngắn, mối liên hệ giữa con người và thiên nhiên

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Những đặc trưng nào có thể dùng để xác định một văn bản thành truyện ngắn?*

*+ Giữa con người và thiên nhiên có mối quan hệ như thế nào? Con người nên có cách ứng xử như thế nào để làm hài hòa mối quan hệ đó?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu từ GV, suy nghĩ để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.

- GV dẫn vào bài học mới: *Thiên nhiên và con người vốn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Thế nhưng vì lòng tham, con người đã đối xử không công bằng với thiên nhiên khiến thiên nhiên nổi giận. Cùng khám phá truyện ngắn: Kiến và người của Trần Duy Phiên để thấy được thông điệp tác giả muốn gởi gắm đến đọc giả về mối quan hệ giữa người và thiên nhiên.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về văn bản *Kiến và người.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Kiến và người*

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được những thông tin cơ bản về văn bản *Kiến và người.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm thông tin về tác giả, tác phẩm trong phần chuẩn bị bài trước khi đến lớp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Trần Duy Phiên là một nhà văn nổi tiếng từ rất sớm. Những trang truyện ngắn của ông mang đậm màu sắc cá nhân và mối quan hệ mật thiết giữa con người và tự nhiên.  **2. Tác phẩm**  -Truyện ngắn ***“Kiến và người”*** in trong Tạp chí Đất Quảng.  -Tác phẩm là câu chuyện về sự đấu tranh môi trường sống giữa một gia đình và loài kiến, và con người sẽ không thể chiến thắng nếu như xâm chiếm môi trường sống của các loài trong tự nhiên. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của văn bản *Kiến và người.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Kiến và người*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Kiến và người*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn trong trong vòng 15 phút. Vận dụng tất cả các kiến thức về thể loại truyện ngắn đã học trước đó đó để trả lời các hỏi sách giáo khoa đưa ra.  *Liệt kê các sự kiện chính trong văn bản và nêu dấu hiệu để nhận biết Kiến và người là một truyện ngắn*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp để hoàn thành bảng thông tin.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo bàn: *Câu chuyện được kể từ ngôi kể nào? Điểm nhìn từ ai? Tác dụng của viêc chọn ngôi kể và điểm nhìn trong văn bản?*  *Thông điệp của tác phẩm?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo bàn để so sánh hai văn bản.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS: *chỉ ra sự tương đồng và khác biệt trong cách suy nghĩ của “bố cháu”, “ mẹ cháu”, “cháu” và “ em cháu”?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  Gv đặt câu hỏi: *Phân tích ý nghĩa của hình tượng bầy kiến và nhận xét cách đặt nhan đề của tác giả?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  GV mời 1-2 học sinh trả lời câu hỏi. Cả lớp lắng nghe, nhận xét đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 5:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS: *Nhận xét vai trò của yếu tố tưởng tượng và hư cấu trong truyện Kiến và người?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ thảo luận theo nhóm nhỏ trong bàn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1-2 nhóm phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 6**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS: *Truyện đã mang lại thay đổi gì trong nhận thức của bạn về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ và trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1-2 học sinh phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Những sự kiện chính trong văn bản và dấu hiệu để nhận biết Kiến và người là truyện ngắn**  **a. Những sự kiện chính của văn bản.**  **-** Người bố đề nghị cả gia đình phá rừng và sinh sống ở đó nhưng bị đàn kiến nổi giận và tấn công khi chỗ ở bị xâm chiếm.  - Cả gia đình tìm mọi cách để thoát khỏi vòng quây của kiến.  - Bọn kiến vào được nhà, tấn công vật nuôi và con người. Người bố đốt ngôi nhà và dẫn cả nhà mở đường chạy thoát đường lộ. Cả gia đình đau đớn nhìn ngôi nhà bị lửa thiêu rụi.  - Người mẹ mất, người con theo cha trở lại ngôi nhà. Mọi thứ điều bị tiêu hủy bởi ngọn lửa. Người bố phát điên khi nhận ra sai lầm của bản thân**.**  **b. Dấu hiệu để nhận biết văn bản trên là truyện ngắn**  **-** Có dung lượng nhỏ  - Có cốt truyện đơn giản: xung quanh 1 tình huống : Bầy kiến nổi giận tấn công gia đình.  - Các sự kiện được tập trung vào một biến cố chính, dồn nén mâu thuẫn trong thời gian ngắn: Gia đình tìm cách chống lại sự tấn công của bầy kiến. ( 1 ngày, 1 đêm, hôm sau)  - Số lượng nhân vật ít ( 4 người trong gia đình và bầy kiến)  - Có thông điệp của văn bản: Tập trung làm rõ một khía cạnh của đời sống  ( Hiện tượng phá rừng khiến con người chịu hậu quả nặng nề)  - Có các yếu tố tưởng tượng, hư cấu.  **2. Ngôi kể, điểm nhìn, tác dụng của việc sử dụng ngôi kể và điểm nhìn trong tác phẩm.**  - Ngôi kể thứ nhất: Người con trai lớn – xưng “ cháu”  - Điểm nhìn chủ yếu từ người con trai lớn, có khi của người bố.  -> ***Giúp cho việc thể hiện chủ đề và thông điệp của văn bản khách quan và đa diện hơn.***  **3. Sự tương đồng và khác biệt trong cách ứng xử của người con, người mẹ và người bố trước sự tấn công của đàn kiến**.  - Sự tương đồng: Cùng nghĩ cách để thoát khỏi đàn kiến  - Sự khác biệt:  + Người bố quyết liệt, cực đoan và bạo liệt một mất một còn với đàn kiến hơn là quan tâm đến các thành viên khác trong gia đình ( tự tay thiêu hủy ngôi nhà và tất cả những thành quả lao động của gia đình)  + Người mẹ và người con: Ôn hòa, có cái nhìn đa diện nhiều chiều hơn, có những lúc nhìn thấu được nhân quả, lí do đàn kiến giận dữ, tấn công.  **4. Ý nghĩa của hình tượng bầy kiến và cách đặt nhan đề của tác giả.**  **a. Ý nghĩa hình tượng bầy kiến**  - Đại diện cho các sinh vật tự nhiên bị đẩy khỏi môi trường sống quen thuộc thuận tự nhiên chúng sẽ phản kháng, tiêu diệt những gì làm hại đến cuộc sống của chúng-> bản năng tự vệ.  **b. Cách đặt nhan đề của tác giả**  - Thiên nhiên và con người có vị thế ngang hàng nhau.  - Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên là mối quan hệ tương hỗ, cộng sinh, công bằng ( Quan hệ từ “và”)  - Đặt kiến trước người: nhắn nhủ cần quan tâm đến tự nhiên trước vì đó là môi trường sống của tất cả các sinh vật và con người. Con người không thể cho mình là thượng đẳng, trung tâm để áp đặt, tấn công, khai phá bừa bãi tự nhiên.  **5. Tác dụng của yếu tố hư cấu, tưởng tượng trong truyện ngắn.**  - Sức mạnh và sự cuồng nộ của tự nhiên khi bị đẩy đến đường cùng.  - Tác động mạnh đến nhận thức của con người giúp con người thức tỉnh để đối xử công bằng với tự nhiên.  - Tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn, hứng thú đối với độc giả.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Mang những đặc đặc trưng của truyện ngắn như: cốt truyện, sự kiện, nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn, thông điệp của văn bản…  - Truyện có nhiều yếu tố tưởng tượng, hư cấu đã tác động mạnh đến nhận thức của người đọc, góp phần thể hiện được thông điệp, chủ đề của tác phẩm.  **2. Nội dung**  - Mối quan hệ cộng sinh, tương hỗ giữa con người và thiên nhiên.  - Con người cần có sự thức tỉnh đối xử công bằng với tự nhiên trên tinh thần khai thác và bảo vệ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Kiến và người* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản *Kiến và người*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm bằng cách lần lượt nêu các câu hỏi, sau đó chốt đáp án:

**Câu 1.** Vì sao đàn kiến lại cuồng nộ tấn công gia đình?

A. Vì gia đình đã phá rừng xâm hại đến nơi ở, cuộc sống của đàn kiến.

B. Vì đàn kiến xâm phạm đến cuộc sống của con người.

C. Vì gia đình không may mắn nên gặp phải bầy kiến dữ.

D. Vì gia đình đã vô tình sống cạnh đàn kiến.

**Câu 2.** Hậu quả mà gia đình phải gánh chịu trong truyện?

A. Thiệt hại nhẹ, không đáng kể.

B. Nghiêm trọng, mất mát nhiều, không cứu vãn được.

C. Không để lại hậu quả.

D. Có thể vãn hồi được.

**Câu 3.** Thông điệp của tác phẩm gởi đến độc giả qua truyện Kiến và người?

A. Con người cần có nhận thức đúng đắn, công bằng với tự nhiên .

B. Đề cao vai trò của con người, cần có hành động quyết liệt, dứt khoát để tiêu diệt các yếu tố gây hại đến cuộc sống của con người.

C. Hạ thấp vai trò, giá trị của con người trong mối quan hệ với tự nhiên.

D. Cần chọn nơi ở hợp lí.

**Câu 4.** Theo văn bản *Kiến và người*, câu “ Nhưng bố là chồng là cha và bố cứ tin vào con mắt sâu thẳm của mình, quên hẳn cuộc đời.” có hàm ý:

A. Người con trách móc người bố đã cực đoan chỉ làm theo suy nghĩ của bản thân mà quên mất trách nhiệm với gia đình, với cuộc sống. B. Đánh giá tính cách quyết đoán của người bố.

C. Sự thấu hiểu của người con dành cho người bố.

D. Cả B và C đều đúng.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi trắc nghiệm về bài học *Kiến và người*, suy nghĩ nhanh để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| A | B | A | A |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về VB *Kiến và người* để viết đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về những việc cần thiết phải bảo vệ môi trường.

Vận dụng kiến thức đã học về lỗi về sự phá vỡ các quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong phần tiếng Việt.

**b. Nội dung:** GV nêu vấn đề, HS suy nghĩ, phản hồi.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS viết một đoạn văn nêu cảm nhận về VB *Văn bản Kiến và người*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS đọc đoạn văn trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, chú ý lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Ngày soạn:……………

**BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết …..: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

( 3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng, sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

- Biết trình bày về một vấn đề sinh thái – xã hội.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học, tạo lập văn bản viết.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng, yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan.

**2. Học liệu:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** Xác định kiểu bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đưa ra 1 số tác phẩm văn học và yêu cầu hs tìm được những vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học đó.  (Gợi ý các tác phẩm: Tự khuyên mình (Nhật kí trong tù - Hồ Chí Minh) ; Tre Việt Nam (Nguyễn Duy)…)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe yêu cầu từ GV và tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời HS chia sẻ trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập. | - Vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học “Tự khuyên mình “(Nhật kí trong tù - Hồ Chí Minh)  Tinh thần lạc quan.  - Vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học  Tre Việt Nam (Nguyễn Duy)…)  Đoàn kết; yêu thương; ngay thẳng… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

## Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

* + 1. ***Mục tiêu:*** Nhận biết được khái niệm, yêu cầu và bố cục của kiểu bài văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.
    2. ***Nội dung:*** Tìm hiểu tri thức về kiểu bài
    3. ***Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu, bố cục của kiểu bài

### Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS đọc khung thông tin (SGK/ tr. 5) và thực hiện yêu cầu:   * Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học là gì? * Khi viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học cần đảm bảo những yêu cầu nào?   + Bố cục bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học gồm mấy phần, kể tên?  (Hs ôn tập lại kiến thức về kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội - Xem bài 2: Hành trang vào tương lai; Ngữ văn 11, tập 1.) điền vào phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | Mở bài |  | | Thân bài |  | | Kết bài |  |  * Nêu ít nhất một điều em chưa rõ về những thông tin trên (nếu có).   ***Bước 2:******Thực hiện nhiệm vụ HT:***  - Cá nhân HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung và nêu câu hỏi cần giải đáp (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng (SGK/ tr. 5). | **I. Tri thức về kiểu bài:**  **1. Khái niệm:**  - Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học là kiểu bài dùng lí lẽ và bằng chứng để bàn luận, làm sáng tỏ một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội) được đặt ra trong tác phẩm văn học và giàu ý nghĩa đối với cuộc sống.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  Xem bài 2: Hành trang vào tương lai (Ngữ văn 11, tập 1). |

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

1. ***Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.
2. ***Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi sgk.
3. ***Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV yêu cầu HS đọc văn bản tham khảo, trả lời các hỏi sách giáo khoa đưa ra.  **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Người viết có quan điểm như thế nào về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp để hoàn thành.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Để làm rõ quan điểm của mình, người viết đã đưa ra những luận điểm nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp với nhau như thế nào? Phân tích một ví dụ để làm rõ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo bàn để so sánh đối chiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học chưa? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  GV mời 1-2 học sinh trả lời câu hỏi. Cả lớp lắng nghe, nhận xét đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Đọc ngữ liệu tham khảo**  **1. Quan điểm của người viết về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.**  Người viết bày tỏ sự suy tư, trăn trở về cách sống hiến dâng tròn đầy và đẹp đẽ với tư cách của một con người, về ý ngĩa của cuộc sống được nêu lên trong tác phẩm "Thơ Dâng" của Ta-go.  **2. Để làm rõ quan điểm của mình, người viết đã đưa ra những quan điểm sau:**  - Sống trọn vẹn là biết cho đi, như việc dâng tặng "chiếc li tràn đầy cuộc sống" của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ.  - Sống trọn vẹn là kiên trì cống hiến,theo đuổi lí tưởng  **3. Mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa và theo một trật tự logic. Sau mỗi luận điểm là hệ thống lí lẽ và dẫn chứng đưa ra để làm sáng tỏ luận điểm.**  - Mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa và theo một trật tự logic. Sau mỗi luận điểm là hệ thống lí lẽ và dẫn chứng đưa ra để làm sáng tỏ luận điểm.  Ví dụ:  Luận điểm: Sống trọn vẹn là biết cho đi, như việc dâng tặng "chiếc li tràn đầy cuộc sống" của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ.  - Lí lẽ: Theo lẽ thường, đời sống là một cuộc chuyển hóa của cho và nhận, nhận và cho. Chúng ta không thể nào sống mà không kết nối với người khác.  - Bằng chứng: Một đứa trẻ chỉ có thể lớn lên khi được chăm sóc bở cha mẹ, gia đình - nhận sự dưỡng nuôi từ thân nhân. Sau đó... lẽ nào chúng không biết cho đi?  **4.  Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học. Bởi vì:**  - Mở bài đã giới thiệu được tác phẩm văn học và nêu vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm.  - Kết bài đã khẳng định lại vấn đề, đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)**

(Phần soạn của cô QUỲNH NGA)

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**NÓI VÀ NGHE**

**TIẾT :**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Biết trình bày về một vấn đề xã hội trong tác phẩm

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ

1. **Năng lực**
   1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

* 1. **Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, đưa ra ý kiến của về vấn đề

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng của kiểu bài để hoàn thành các yêu cầu của bài tập.

* 1. **Phẩm chất:**

- Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với các vấn đề xã hội được đặt ra trong một tác phẩm văn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **KHỞI ĐỘNG**
2. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
3. **Nội dung:** GV cho hs xem clip và yêu cầu hs nêu ra các vấn đề gợi mở qua clip
4. **Sản phẩm:** HS hoàn thành yêu cầu của GV.
5. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu Hs lắng nghe bài hát và cho biết bài hát đã gợi ra vấn đề gì trong cuộc sống.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành yêu cầu để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- GV dẫn vào bài: *Bao giờ cũng thế, văn học – cuộc sống – con người là những yếu tố không thể tách rời nhau để tồn tại riêng biệt. Dường như có một sợi dây vô hình buộc chặt văn học và cuộc sống, tạo nên mối quan hệ vô cùng mật thiết và sâu sắc như lời phát biểu của nhà văn Nguyễn Minh Châu: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người. Mỗi tác phẩm văn học chỉ là một lát cắt, một tờ biên bản của một chặng đời sống con người ta, trên con đường dài dằng dặc đi đến cõi hoàn thiện”. Vậy nên, trong mỗi tác phẩm văn học đều ít nhất có 1 vấn đề xã hội mà tác giả đã khơi gợi. Vậy, khi trình bày ý kiến về 1 vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học, chúng ta cần lưu ý những gì, hãy cùng nhau đi tìm hiểu bài học hôm nay.*

**2.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị nói và nghe**

1. **Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.
3. **Sản phẩm học tập:**Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu yêu cầu về nói: Hãy trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học hay tác phẩm nghệ thuật mà bạn quan tâm.  - GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó).  - GV lưu ý:  *+ Lựa chọn đề tài*  • Chọn một vấn đề xã hội được đặt ra từ tác phẩm văn học hay tác phẩm nghệ thuật mà bạn quan tâm  *+ Tìm ý và sắp xếp ý*  • Để tránh nói chung chung hoặc lan man, bạn cần phải đặt tên cho bài nói (tên bài thề hiện rõ điều muốn nói, cả về nội dung và định hướng). Việc xác định ý và sắp xếp ý cũng được thực hiện theo quy trình giống như ở hoạt động Viết trước đó.  + Tìm hiểu rõ về vấn đề xã hội mà bạn quan tâm  + Đưa ra những dẫn chứng, lí lẽ thuyết phục.  - GV yêu cầu HS các nhóm luyện tập.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Chuẩn bị nói và nghe**  **1. Yêu cầu**  •   Nêu được vấn đề cần nói cũng như vì sao em chọn vấn đề xã hội đó để nói  •   Trình bày vấn đề đó.  •   Ý kiến quan điểm cá nhân của bạn về vấn đề đó. Nếu luận điểm lý lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người nghe  **2. Chuẩn bị bài nói**  **\* HS lưu ý**  - Xác định đề tài  - Xác định đối tượng người nghe  - Xác định không gian và thời gian nói  **\* Tìm ý, lập dàn ý**  **- Tìm ý**  . Sử dụng các thông tin, tư liệu đã có trong bài viết.  . Lựa chọn những ý cần nhấn mạnh khi nói, những ý có thể lược bỏ.  **- Lập dàn ý**  + Mở đoạn giới thiệu vấn đề xã hội đặt ra từ to văn học hay tp nghệ thuật mà bạn quan tâm  + Thân đoạn: Xây dựng và sắp xếp các luận điểm (ít nhất hai luận điểm)  + Kết đoạn: khẳng định lại vấn đề; ý nghĩa và bài học đối với cá nhân và người đọc.  **3. Luyện tập** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức để học sinh trình bày bài nói*  *+ Gv phát hoặc chiếu bảng kiểm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói / Lắng nghe và ghi chép**  - Người nói: Chú ý cần có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; khi trình bày cần tương tác với người nghe  - Người nghe: Lắng nghe để nắm bắt ý kiến đánh giá của người nói; sắp xếp các thông tin nhận được; ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi. |

**Hoạt động 3: Trao đổi, đánh giá**

**a. Mục tiêu:**

- Biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv gọi học sinh tự nhận xét bài nói của mình và nhận xét bài nói của bạn*  *+ Hs tiếp tục sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá bài nói của bạn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **III. Trao đổi, đánh giá**  **\* Trao đổi**  - Người nói: Lắng nghe với thái độ cầu thị, ghi chép các câu hỏi  - Người nghe: đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói với giọng điệu nhẹ nhàng, lịch sự |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | Hs luyện nói và quay video |

**Phụ lục:**

**BẢNG KIỂM**

**KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở đầu** | Người nói chào người nghe và tự giới thiệu. |  |  |
| Giới thiệu nội dung khái quát của bài nói. |  |  |
| **Nội dung chính** | Giải thích các khái niệm từ ngữ quan trọng liên quan đến cách hiểu vấn đề. |  |  |
| Lần lượt trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính. |  |  |
| Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/sai/tốt/xấu,...). |  |  |
| Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí. |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chúng tin cậy lấy từ thực tiễn đời sống |  |  |
| **Kết thúc** | Tóm tắt được nội dung chính đã trình bày. |  |  |
| Nếu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe** | Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói. |  |  |
| Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm nội dung trình bày. |  |  |
| Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

**Ngày soạn**: …………………….

**BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA**

***(Truyện ngắn)***

**Tiết: PHẦN VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức/Yêu cầu cần đạt:**

Viết văn bản nghị luận về vấn đề xã hội: trình bà rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin, tìm ý

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học

- Năng lực viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng, yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Kết nối internet

- Sách giáo khoa Sách BT Ngữ văn 11 và các tài liệu tham khảo khác

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Sản phẩm của cá nhân/nhóm trong quá trình học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Ôn lại kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học (đã học ở bài 2-Ngữ văn 11 – Bộ Chân trời sang tạo)

- Phân biệt được kiểu bài nghị luận xã hội và nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm VH

**b. Nội dung:**

- Kích hoạt kiến thức nền đã học về kiểu bài nghị luận một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

- Hệ thống câu hỏi (theo bảng KWL): *Em hãy hoàn thành hai cột KW về kiểu bài nghị luận một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.*

**c. Sản phẩm:** bảng KWL của học sinh đã hoàn thành hai cột KW

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bảng KWL về kiểu bài NL về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học trên phiếu học tập theo nhóm 02 người.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành bảng KWL hai cột K và W  - GV quan sát lớp, nhắc nhở học sinh tinh thần hợp tác và chủ động.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét (nhóm sau chỉ bổ sung, không nhắc lại trùng ý với nhóm trước)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức (Phần Tri thức về kiểu bài) | **BẢNG KWL**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **Điều đã biết** | **W**  **Điều muốn biết** | **L**  **Điều học được** | | -Là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội. | - Phân biệt kiểu bài NL về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học và kiểu bài NLXH về tư tưởng đạo lí và hiện tượng đời sống. |  | | -Giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề XH | Mục đích viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học |  | | - Bố cục bài viết gồm ba phần: MB, TB, KB | .... |  | |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Thầy Phát Soạn)**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT**

**Đề bài**: ***Hãy viết bài văn nghị luận về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được gợi ra trong truyện ngắn “Muối của rừng” – Nguyễn Huy Thiệp.***

**a. Mục tiêu:** Xác định đề tài, tìm ý và lập dàn ý, viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS ghi lại những vấn đề xã hội được đặt ra trong ***truyện ngắn “Muối của rừng” – Nguyễn Huy Thiệp;*** xác định hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng để tạo cách lập luận thuyết phục, hợp lí.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài văn nghị luận

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS xác định đề tài và những căn cứ để xác định đề tài trong văn bản “Muối của rừng”.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc kĩ văn bản, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm các ý để triển khai vấn đề và lập dàn ý theo bố cục 3 phần: MB, TB, KB  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc kĩ văn bản, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm “Muối của rừng”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện yêu cầu viết bài văn nghị luận  - HS dựa vào bảng kiểm để tự kiểm tra và đánh giá kĩ năng viết dựa trên bảng kiểm GV cung cấp    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Bước 1 – Chuẩn bị viết**  ***\* Đề tài***: Nạn săn bắn thú rừng hoang dã ở Việt Nam hiện nay qua truyện ngắn “Muối của rừng”.  ***\* Những căn cứ xác định đề tài***:  + Ông Diểu vào rừng đi săn, tiếp cận với đàn khỉ và dự định sẽ bắn cả gia đình khỉ.  + Tiếng sung vang lên, khỉ bố ngã nhào xuống.  + Ông Diểu giương súng định bắn khỉ mẹ.  + Ông Diểu đuổi theo lũ khỉ con và dồn con khỉ nhỏ xuống miệng vực sâu.  **Bước 2 – Tìm ý, lập dàn ý**  ***\* Tìm ý***:  - *Muối của rừng* cho thấy tình trạng săn bắn thú rừng hoang dã ở Việt Nam đang diễn ra phổ biến và khá nghiêm trọng.  - Thông qua truyện ngắn “*Muối của rừng*”, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp gióng lên hồi chuông cảnh báo về hậu quả của mức độ hủy diệt môi trường tự nhiên do con người gây ra.  - Đưa ra giải pháp, cách thức xử lí nạn săn bắn động vật hoang dã.  - Thông điệp ý nghĩa: hãy chung tay bảo vệ thiên nhiên. Vì đó là môi trường sống của muôn loài.  ***\* Lập dàn ý:***  **Mở bài:**  -Giới thiệu tác phẩm *Muối của rừng* – Nguyễn Huy Thiệp.  -Vấn đề xã hội đặt ra trong TP: Vấn đề bảo vệ động vật hoang dã.  **Thân bài:**  *1. Giải thích (Nếu cần)*  *2. Trình bày các luận điểm để làm rõ vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học:*  \* Luận điểm 1: Thực trạng săn bắn thú rừng đang diễn ra phức tạp và nghiêm trọng.  - Lí lẽ - bằng chứng -> Cách lập luận  \* Luận điểm 2: Lời cảnh báo, nhắc nhở độc giả về những hậu quả của vấn đề săn bắn động vật hoang dã.  - Lí lẽ - bằng chứng -> Cách lập luận  \* Luận điểm 3: Những biện pháp xử lí vấn đề săn bắn động vật hoang dã.  - Lí lẽ - bằng chứng -> Cách lập luận  *3. Bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội được gợi ra trong tác phẩm văn học*  - Để giải quyết vấn đề săn bắn thú rừng, nên chăng chỉ dựa vào lòng trắc ẩn của cá nhân con người như ông Diểu? Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế?  - Trách nhiệm bảo vệ động vật hoang dã thuộc về những ai?  -> Đưa ra quan điểm bản thân với nhiều góc nhìn khác nhau (cùng chiều hoặc trái chiều)  **Kết bài**:  - Khẳng định vấn đề: Bảo vệ động vật hoang dã là điều cấp bách, quan trọng và cần thiết.  - Đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề.  **Bước 3 – Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**  **- BÀI THAM KHẢO (Phụ lục 1)**  **- CHỈNH SỬA, HOÀN THIỆN BẰNG BẢNG KIỂM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa  đạt | | MB | Giới thiệu tác phẩm văn học |  |  | | Giới thiệu vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học |  |  | | TB | Giải thích (nếu cần)  Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết |  |  | | Nêu lí lẽ thuyết phục, đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm |  |  | | Nêu bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ |  |  | | Bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội được gợi ra trong tác phẩm văn học bằng cách đưa ra quan điểm cá nhân, trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí |  |  | | KB | Khẳng định vấn đề |  |  | | Đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề. |  |  | | Kĩ năng trình bày, diễn đạt | Mở bài, kết bài gây ấn tượng |  |  | | Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí. |  |  | | Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, có chiều sâu, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp. |  |  | |

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

*Những người thợ tốt nhất tạc lên đá không phải là công cụ sắt hay đồng, mà là bàn tay dịu dàng của gió và nước làm việc thư thả trong thời gian thoải mái. – Henry David Thoreau.* Thật vậy, thiên nhiên luôn chứa đựng những điều kỳ bí với sức hút lạ thường khiến cho con người mong muốn khám phá những điều diệu kỳ ẩn sâu bên trong. Vậy nên, tình yêu thiên nhiên là đề tài muôn thuở, gắn bó tri kỉ với người cầm bút. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã mang một góc nhìn mới, một trải nghiệm mới về mối quan hệ giữa thiên nhiên, động vật hoang dã và con người qua truyện ngắn “*Muối của rừng*”. Qua đó nhà văn đặt ra vấn đề: Làm thế nào để bảo vệ động vật hoang dã?

Thiên nhiên là những gì tồn tại xung quanh chúng ta nhưng không phải con người tạo ra. Tình yêu thiên nhiên là sống hòa hợp, gắn bó, rung động trước những cảnh đẹp của tự nhiên. Chúng ta yêu quý, trân trọng những gì thiên nhiên tặng ban đồng thời phải giữ gìn và bảo vệ nét đẹp trù phú, hoang dã. Thế nhưng, thực trạng săn bắn thú rừng đang diễn ra phức tạp và nghiêm trọng. “*Muối của rừng*” kể về một ông già tên Diểu đi săn thú rừng trong tiết xuân. Ông bắn được một con khỉ đực trong đàn khỉ, nhưng khỉ cái cứu khỉ đực, còn khỉ con cướp súng của ông. Cuối cùng, ông băng bó cho khỉ đực và thả nó đi sau những chiêm nghiệm sâu sắc. Như vậy, hành trình cầm súng săn thú rừng của ông Diểu chính là quá trình xâm lấn không gian thiên nhiên của văn minh con người. Bởi ông Diểu nhìn thiên nhiên như một thứ phông nền để trục lợi và thỏa mãn bản thân. Ông bắn thú không để lấy thức ăn, mà để giải trí nhân dịp “thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng”. Ông vào rừng, lấy thiên nhiên làm niềm khuây khỏa “tất cả những trò nhố nhăng đê tiện hàng ngày”. Cầm cây súng trong tay, ông Diểu như một vị thánh, có quyền quyết định sinh hay sát với muông thú. Ông tha cho mấy con chim vì “chim xanh ông chén chán rồi.” Ông tha cho đôi gà rừng sau khi tự nhủ “bắn sẽ trượt thôi”. Rồi với quyền lực của cây súng, của khoa học và văn minh, ông bắn thành công một chú khỉ. Ông không coi thiên nhiên là thiên nhiên, mà soi chiếu thiên nhiên từ lăng kính con người. Ông trút lên chú khỉ tội nghiệp những hằn học mà ông mang từ xã hội vào trong rừng. Thực trạng phá hủy thiên nhiên hiện nay đang diễn ra nghiêm trọng. **Theo Báo cáo Sức sống Hành tinh 2020 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF), trong vòng 50 năm qua, quần thể các loài động vật có xương sống đã suy giảm 68%. Tại Việt Nam, nhiều loài động vật hoang dã đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng do bị buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp vì nhiều mục đích khác nhau như làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức.** Đặc biệt gần đây, giới trẻ rộ lên phong trào nuôi thú cưng là các loài động vật hoang dã độc, lạ. **Tại v**ườn Quốc gia Tràm Chim - Đồng Tháp, trước đây có khoảng 7.000 cò ốc và hàng chục ngàn chim di cư khác cư ngụ. Nay các loài này gần như vắng bóng, chỉ còn lác đác một số con, một số đàn tìm đến. Minh chứng năm 2019 chỉ có 4 con sếu đầu đỏ bay về, trong năm 2020, gần như không thấy đàn nào di cư về. Tương tự thành phố Cần Thơ, nơi đây vườn chim Bằng Lăng, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt từng được ví là thiên đường chim trời bởi sự đa dạng phong phú các loài chim di cư bay về cư ngụ. Song hiện nay, tại vườn chim này, số lượng chim, đàn bay về quá ít, chỉ đếm trên đầu ngón tay.

“*Muối của rừng*” đưa ra lời cảnh báo, nhắc nhở độc giả về những hậu quả khôn lường của việc săn bắn động vật hoang dã. Việc săn bắt chim, thú rừng tuỳ tiện cùng với nạn đốt phá rừng bừa bãi đã phá hoại nghiêm trọng môi trường sống của nhiều loài động vật, làm cho một số loài trở nên hung dữ, gây ra những thảm hoạ đối với con người. Chẳng hạn như nạn voi dữ, lợn rừng phá hoại cơ sở sản xuất ở Gia Lai; nạn chuột, châu chấu phá hoại mùa màng ở nhiều nơi… Mất chỗ trú, nhiều đàn chim di cư đến các lùm cây, bụi rậm, các cánh rừng ngập mặn, cánh đồng để trú ngụ và tìm kiếm thức ăn. Đây là cơ hội cho một số tay săn chim bán làm thức ăn mà không biết rằng nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh rất cao. Đặc biệt hiện nay dịch cúm gia cầm đang diễn ra tại nhiều nước, trong đó Campuchia có dịch lây sang người và có 2 trường hợp tử vong. Một bộ phận người tiêu dùng luôn cho rằng, ăn thịt thú rừng thể hiện đẳng cấp sang trọng. Nhưng đây là suy nghĩ hoàn toàn sai lầm! Khi thú rừng tiềm ẩn nhiều loại dịch bệnh khó lường trong điều kiện biến đổi khí hậu, môi trường diễn biến phức tạp lại them nhiều ngày đi săn trong rừng buộc tay săn phải dùng hóa chất bảo quản là hiểm họa khôn lường, ảnh hưởng đến sức khỏe, kể cả tính mạng con người. Có lẽ, cả người săn bắt lẫn người tiêu thụ có thể vô tình hay cố ý mà không nghĩ đến vi phạm pháp luật trong bảo tồn, bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm, có nguy cơ vướng vào vòng lao lý. Thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp trong và ngoài nước vi phạm săn bắt, tiêu thụ, giam nhốt động vật rừng quý hiếm đã bị phạt tiền và phạt tù.

Thiên nhiên ban tặng cho chúng ta rất nhiều thứ, vậy mà ta không biết giữ gìn và bảo vệ. Giờ đây, khi môi trường đang dần bị xuống cấp, xuất hiện nhiều “bệnh lạ” hơn, con người mới nhận thức được tầm quan trọng của môi trường. Do vậy, chúng ta phải sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên; đưa thiên nhiên đến gần với cuộc sống của mình chính là trách nhiệm của mỗi con người. Tại Việt Nam, tội phạm liên quan đến động vật hoang dã ngày càng trở thành mối nguy hiểm lớn cho công tác bảo tồn và phát triển kinh tế – xã hội. Vì vậy đấu tranh phòng chống tội phạm động vật hoang dã dần trở thành ưu tiên số một của các cơ quan thực thi pháp luật. Cần có những biện pháp nào để xử lí vấn đề săn bắn động vật hoang dã? Trước tiên cần bổ sung “hành vi sử dụng động vật hoang dã” vào nhóm đối tượng các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã nhằm hạn chế nhu cầu, thói quen sử dụng, tiêu dùng động vật hoang dã bất hợp pháp của một bộ phận người dân. Hơn nữa, về lâu dài, cần xây dựng luật riêng về bảo vệ động vật hoang dã. Hiện trên thế giới đã có 56 quốc gia ban hành luật riêng về động vật hoang dã. Điều này giúp thực thi hiệu quả công tác phòng, ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm động vật hoang dã một cách thống nhất. Cần tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, đồng thời đẩy mạnh sự phối hợp liên ngành trong hoạt động phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm giữa các cơ quan thực thi pháp luật như kiểm lâm, hải quan, cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, an ninh hàng không, Interpol… Bên cạnh đó, cần xây dựng bộ cẩm nang nhận diện các loài động vật hoang dã được pháp luật bảo vệ, giúp các cơ quan chức năng giám sát, phát hiện, xử lý vi phạm hiệu quả hơn. Hơn cả là sự tham gia của cộng đồng có vai trò quan trọng trong quản lý, bảo vệ các loài động vật hoang dã. Các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước kêu gọi cộng đồng tham gia bảo vệ, nâng cao nhận thức về các nguy cơ liên quan đến hành vi săn bắt, tiêu thụ thịt động vật hoang dã nhằm giảm nhu cầu về mua bán. Qua nhiều kênh, nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục, người dân từng bước nâng cao nhận thức bảo tồn, bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là động vật quý hiếm, có nguy cơ diệt chủng.

Để giải quyết vấn đề săn bắn thú rừng, nên chăng chỉ dựa vào lòng trắc ẩn của cá nhân con người như ông Diểu? *Muối của rừng* chỉ có một nhân vật người là ông Diểu, nhưng có hai nhân vật thú là cặp đôi khỉ. Trong khi ông Diểu đại diện cho thế giới văn minh loài người, thì hai chú khỉ là hiện thân của thiên nhiên. Chính chú khỉ đã giúp ông thức tỉnh để cứu rỗi thiên nhiên. Ông Diểu nhận ra sự sai trái trong hành động của mình ngay khi hoàn thành phát sung và ông đã sửa sai bằng cách chữa vết thương và thả nó đi. Vào thời điểm này, ông bắt đầu nhận ra, hình như thiên nhiên cũng như con người, và muông thú cũng có thứ tình của nó. Cái tình ấy dần lấn át cái lý phiến diện của con người và kéo ông về với thiên nhiên, giúp ông chợt nhận ra “trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề” trong ngôi nhà sinh thái. Hành động của ông Diểu không phải là một phút yếu lòng của gã thợ săn mà đánh dấu sự thay đổi trong nhận thức của nhân vật. Việc tự tin cầm súng vào rừng bắn khỉ thể hiện tâm thế đối đầu trực diện với thiên nhiên nhưng với hành động tha mạng khỉ, nhân vật ông Diểu cho người đọc thấy rằng chúng ta còn một sự lựa chọn khác trong cách đối xử với thiên nhiên. Sự cứu rỗi bắt đầu từ sự thay đổi trong thái độ và góc nhìn về miền hoang dã. Có thể nói, nhân vật Diểu tới cuối tác phẩm đã hoàn thành một hành trình. Ông vào rừng đi tìm bạo lực với tâm thế của kẻ thống trị nắm trong tay hành trang văn hóa nhưng lúc đi ra như một người rừng chưa từng biết tới thế giới sự văn minh tạo dựng của con người. Ông đã khước từ toàn bộ điểm nhìn trịch thượng của con người để hòa nhập với tự nhiên. Và ông đã tìm thấy vị trí của mình trong ngôi nhà chung mang tên Trái đất. Xét về cơ bản, văn chương không thể đưa ra một giải pháp mang tính khoa học kỹ thuật cho thảm họa môi trường, ít có vai trò trong việc bảo vệ hệ sinh thái. Tuy nhiên, điều văn chương có thể làm là xóa bỏ những định kiến về sự đối đầu với thiên nhiên, tách con người khỏi vị trí tối cao để loài người có thể tái sinh và trở thành những người bạn của Trái đất. *Muối của rừng* đưa ra giải pháp cho tất cả chúng ta: trước khi nói tới chính sách, tới bền vững, tới bảo tồn, hãy thay đổi những định kiến, nhận thức trong bản thân mỗi người. Khi ấy, ta sẽ thấy mình trong thiên nhiên, và thấy thiên nhiên trong mình.

Ta thường nghĩ trọng trách cứu thiên là của các tập đoàn, các tổ chức quốc tế, và các nhà khoa học mà không biết rằng văn chương và nghệ thuật có vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì một môi trường sống trong sạch hơn. Vậy nên, thay đổi nhận thức của con người về thiên nhiên là điều cần thiết. Hãy yêu thiên nhiên để lòng mình được thảnh thơi, yên bình.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)**

**a. Mục tiêu**:

- Hình thành được mô hình dạng bài NL về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu nhóm HS (4 tổ) thực hiện phiếu học tập về mô hình dạng bài

- GV yêu cầu mỗi HS viết một bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã thực hiện trong phần luyện tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập và phần bài viết hoàn chỉnh của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - HS hoàn thành phiếu bài tập về mô hình dạng bài  - HS viết bài văn hoàn chỉnh  **\* Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập – Giáo viên theo dõi, hướng dẫn**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nội dung công việc được giao.  - GV quan sát, theo dõi, nhắc nhở học sinh về tinh thần hợp tác, thái độ chăm chỉ và ý thức trách nhiệm khi làm việc; chú ý thời gian thục hiện.  **\* Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **-** HSnộp sản phẩm.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS còn lại nhận xét, trao đổi thảo luận về sản phẩm trình bày trên bảng.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV cung cấp mô hình dạng bài để HS tự đối chiếu, kiểm tra | ***PHIẾU HỌC TẬP*: MÔ HÌNH DÀN BÀI NL**  **VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM VH**   |  |  | | --- | --- | | Bố cục | Nội dung | | MB | Giới thiệu tác phẩm văn học | |  | Giới thiệu vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học | | TB | Giải thích (Nếu cần) | | Triển khai hệ thống luận điểm (ít nhất 02 LĐ)  - Luận điểm 1: lí lẽ - bằng chứng  - Luận điểm 2: lí lẽ - bằng chứng  - Luận điểm … | | - Bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học  + Ý kiến trái chiều: ………………….…  + Phản biện của tôi: *…………………….* | | KB | - Khẳng định lại vấn đề NL | | - Đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề | |

**4. Củng cố: Mô hình dạng bài NL về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học**

**5. HDVN:** **Chuẩn bị phần nói và nghe**

**Đề bài**: Đoàn thanh niên trường bạn tổ chức buổi nói chuyện với đề tài ***Cách ứng xử của con người với tự nhiên được phản ánh trong tác phẩm văn học***. Bạn hãy chuẩn bị bài nói của mình để tham gia buổi nói chuyện ấy.